

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**KHỐI LƯỢNG TỔNG HỢP**  
**BẢNG THUYẾT MINH PHÊ DUYỆT CHỦ CHƯƠNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THUÊ DỊCH VỤ SỰ**  
**NGHIỆP CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ: CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO**  
**THÔNG ĐƯỜNG BỘ - PHƯỜNG GIA SÀNG TỪ 1/7/2026 ĐẾN 31/12/2026**

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Tổng khối lượng	Ghi chú
1	2	3	6	7
1	Tuần đường, loại đường cấp III trong đô thị	Km/ tháng	45,8400	
2	Phát quang cây dại	100m <sup>2</sup>	6,4800	
3	Nắn chỉnh, tu sửa cột biển báo, biển báo	cột	15,00	
4	Bạt lề đường	10m <sup>2</sup>	437,7550	
5	Vận chuyển đất đổ đi, đất cấp II	100m <sup>3</sup>	2,1888	
6	Vết rãnh hờ hình thang	10m	24,0000	
7	Vận chuyển đất đổ đi, đất cấp II	100m <sup>3</sup>	0,1200	
8	Vá ổ gà, cọc găm, lún cục bộ mặt đường bằng bê tông nhựa nguội; chiều dày mặt đường 5cm	10m <sup>2</sup>	11,00	
10	Lắp đặt cột và biển báo phản quang	cái	25	
11	Vận chuyển đất- Cấp đất III	100m <sup>3</sup>	0,0240	
12	Sản xuất cột biển báo 3m	cột	15	
13	Sản xuất cột biển báo 3,6m	cột	10	
14	Sản xuất biển báo phản quang ngõ ngách KT: 0,25x0,4m	biển báo	5	
15	Sản xuất biển báo phản quang tên đường KT: 0,4x0,75m	biển báo	3	
16	Sản xuất biển báo phản quang biển báo tròn	biển báo	5	
17	Sản xuất biển báo phản quang biển báo người đi bộ KT: 0,6x0,6m	biển báo	3	
18	Sản xuất biển báo phản quang biển báo tam giác	biển báo	4	
19	Sơn dải phân cách bê tông, lan can cầu bê tông, sơn cọc tiêu, cọc MLG, cột thủy chí bê tông - 3 nước	1m <sup>2</sup>	2.407,7735	
20	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m <sup>2</sup>	135,5880	
21	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu trắng dày 2mm	m <sup>2</sup>	484,7500	
22	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 6mm	m <sup>2</sup>	37,4000	

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN ĐƯỜNG**

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Chiều dài (km)</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Chiều rộng mặt</b>	<b>Kết cấu mặt</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đường Lưu Nhân Chú						
		0,53	nhà khách Gang Thép	đường Hương Sơn	7	Láng nhựa	
		1,06	Đường Hương Sơn	công cty Gang Thép	10	BTN	
2	Đường Thanh niên xung phong	0,70	Đường CMT 8	đại đội 915	10x2	BTN	
3	Đường CMT 8	5,35	ngã tư Gia Sàng	đường tròn Gang Thép	11x2	BTN	
	<b>Tổng</b>	<b>7,64</b>					

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**

TT	Tên đường	Vết rãnh hỡ			Phát quang cây dại				Bạt lỏ đường				Vỏ ỏ gỏ (m2)	Sơn dỏ phân cách		Ghi chú	
		Chiều dài (m)	Số lần thực hiện	Khối lượng	Kích thước	Khối lượng (m2)	Số lần thực hiện	Khối lượng (m2)	Kích thước	Khối lượng (m2)	Số lần thực hiện	Khối lượng (m2)		Sơn bê tông (m2)	Sơn sắt thép (m2)		
1	Đường Lưu Nhân Chú																
		80	3	240	(30*1+30*1+36*1)+10*12	216,0000	3	648,0000					60,0				khủ dân cư
														71,1200	26,6700		cầu Lưu Nhân Chú
2	Phỏ Trịnh Bá																
3	Đường Gia Sỏng																
4	Đường Thanh niên xung phong																
5	Đường Gang Thép																
6	Đường Tân Quang																
7	Đường Hương Sơn																
8	Đường CMT 8												50,0				
	Cty hợp kim sắt								110*1,7	187,0000	1	187,0					
	tường rào trạm cân								(131*4+92*1,8+46*0,5)	712,6000	1	712,6					
	tường rào xí nghiệp đường sắt								(69*2+102*3+(3,3+2)/2*23)	504,9500	1	505,0					
	cây xăng Nam Việt								6*3,2	19,2000	1	19,2					
	SN 569								(28*5+3*2,5)	147,5000	1	147,5					
	Toyota Thái Nguyên								(151*6,7+28*6,7+105*6)	1829,3000	1	1829,3					
	đường tàu DNH								14*3	42,0000	1	42,0					
	đập Bada								15*6	90,0000	1	90,0					
	cầu Loỏng								20*7	140,0000	1	140,0					
	Ô tỏ Phương Khỏng								((2+4,5)/2*14+11*1+11*1+33*5)	232,5000	1	232,5					
	Cây xăng số 02								28*2,8	78,4000	1	78,4					
	Sn 254/1								(20*2+14*0,5)	47,0000	1	47,0					
	Phỏ Tư Diỏn								7*3,3	23,1000	1	23,1					
	cầu Lưu Xỏ								2*3,5	7,0000	1	7,0					
	điện lực Gang Thép								16*3	48,0000	1	48,0					
	Sn 418/1								(40*2+(1+3)/2*27)	134,0000	1	134,0					
	hỏ Gia Sỏng								54*2,5	135,0000	1	135,0					
	<b>Tổng</b>	<b>80,00</b>		<b>240,00</b>		<b>216,00</b>		<b>648,00</b>		<b>4377,55</b>		<b>4377,55</b>	<b>110,00</b>	<b>71,12</b>	<b>26,67</b>		

**BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG SƠN DẢI PHÂN CÁCH, CỌC TIÊU, CỘT BIÊN BẢO**

STT	Hạng mục công việc	Sơn sắt thép (m2)		Sơn bê tông (m2)		Ghi chú
		Kích thước	Khối lượng	Kích thước	Khối lượng	
	<b>Đường CMT 8</b>					
2	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 14			$(192+2)*2*0,35$	135,8000	
3	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 15			$(138+2)*2*0,35$	98,0000	
4	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 16			$(39+2)*2*0,35$	28,7000	
5	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 17			$(76+2)*2*0,35$	54,6000	
6	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 18			$(44+2)*2*0,35$	32,2000	
7	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 19			$(77+2)*2*0,35$	55,3000	
8	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 20			$(62+2)*2*0,35$	44,8000	
9	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 21			$(95+2)*2*0,35$	67,9000	
10	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô 22			$(115+2)*2*0,35$	81,9000	
11	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 30			$(173+2)*2*0,31$	108,5000	DNH
12	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 31			$((0,3*0,2)+(0,82*0,2*2)+(0,31*0,82*2))*16$	14,3424	DNH
13	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 32			$(270+2)*2*0,34$	184,9600	
14	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 33			$(67+2)*2*0,31$	42,7800	mầm non quốc tế
15	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 34			$(115+2)*2*0,34$	79,5600	
16	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 35			$(180+2)*2*0,34$	123,7600	
17	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 36			$(293+2)*2*0,34$	200,6000	
18	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 37			$(106+2)*2*0,34$	73,4400	

19	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 38			$(44+2)*2*0,34$	31,2800	
20	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 39			$(97+2)*2*0,34$	67,3200	giao cty Gang Thép
21	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 40			$(50+2)*2*0,35$	36,4000	giao cty Gang Thép
22	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 41			$(132+2)*2*0,35$	93,8000	
23	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 42			$(112+2)*2*0,35$	79,8000	
24	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 43			$(67+2)*2*0,35$	48,3000	
25	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 44			$35*0,34$	11,9000	
26	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 45			$20*0,34$	6,8000	
27	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 46			$(10+2)*2*0,34$	8,1600	
28	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 47			$(124+2)*2*0,34$	85,6800	
29	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 48			$(142+2)*2*0,34$	97,9200	
30	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 49			$(72+2)*2*0,34$	50,3200	
31	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 50			$(173+2)*2*0,34$	119,0000	
32	Sơn dải phân cách bê tông 3 nước Ô số 51			$(205+2)*2*0,34$	140,7600	

33	Son cầu cầu Lòang, cầu Lưu Xá)	$(0,32039*7,7*2+(0,12*0,9*2+0,92*0,08*2)*5*2+0,12*1,74*8*2+0,12*0,58*14*8+0,32*20*2+0,4*10*2+(0,12*0,6*14)*16+0,12*16*2*2+0,32*20*2+0,4*10*2+(0,12*0,6*14)*16+0,12*16*2*2)$	108,9180	$0,4202*7,7*2+16*0,4*2+16*0,4*2$	32,0711	
	<b>Tổng</b>		<b>108,9180</b>		<b>2336,6535</b>	

**BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG 8**

STT	Lý trình	Khoảng cách (m)	Vạch đi bộ		Vạch thô sơ		Vạch phân làn 2.1		Vạch giảm tốc (m2)	Ghi chú
			Kích thước (m)	K.lượng (m2)	Kích thước (m)	K.lượng (m2)	Kích thước (m)	K. lượng (m2)		
1	<b>Đường CMT 8 (Sơn dặm một số vị trí bị mờ)</b>		23*0,4*3*5	138,000	730*0,2*2	292	730/4*0,15*2	54,7500	37,4000	
	<b>Tổng</b>			<b>138,000</b>		<b>292,000</b>		<b>54,750</b>	<b>37,400</b>	

522,150

**PHỤ LỤC SỐ 01****BẢNG TỔNG HỢP DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG - PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THUÊ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG:  
CÔNG TÁC DUY TRÌ ĐIỆN CHIẾU SÁNG - PHÒNG GIA SÀNG TỪ 01/07/2026 ĐẾN 31/12/2026**

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng chi tiết	Số lần (ngày)	Tổng Khối lượng thực hiện	Ghi chú
	<b>VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG:</b>					
1	Duy trì trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ (Hệ thống điện tuyến chính)	1 trạm/ngày	8	184	1.472,0000	44 Tủ điều khiển theo chiều dài chia tách thành 8 trạm chiều dài >3000m và 6 trạm chiều dài 1500m
2	Quản lý đèn tín hiệu giao thông	1 nút	1	184	184,0000	1 nút đèn THGT
3	Duy trì trạm 1 chế độ bằng đồng hồ hẹn giờ	1 trạm/ngày	6	184	1.104,0000	44 Tủ điều khiển theo chiều dài chia tách thành 8 trạm chiều dài <3000m và 6 trạm chiều dài 1500m
4	Vận hành hệ thống điện trang trí các tuyến đường (Ngày lễ, thứ 7, chủ nhật)	công	0,5	60	30,0000	0,5 công/ngày Nhân công đi vận hành các điểm trang trí trên các tuyến từ 17h đến 21h
	<b>SỬA CHỮA HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG:</b>					
5	Thay sửa bộ nguồn đèn led 120W trên các tuyến đường, 10m<=H<12m	1 bộ	1,6%		60,0000	Dự kiến thay thế 60 bộ/3736 bóng
6	Kéo dây trên lưới đèn chiếu sáng, Dây AL/XLPE/PVC 4x25mm <sup>2</sup>	m			240,0000	Dự kiến thay thế 420m/70000m
7	Kéo dây trên lưới đèn chiếu sáng, Dây AL/XLPE/PVC 2x16mm <sup>2</sup>	m	0,6%		180,0000	
8	Luồn dây từ cáp treo lên đèn CU/PVC/PVC 2x2,5mm <sup>2</sup>	100m			180,0000	

9	Thay sửa tủ điện hạ thế KT: 300x400x150mm	tủ			6,0000	Dự kiến thay thế cho 44 tủ điều khiển với 132 thiết bị
10	Thay sửa thiết bị Khởi động từ 3 pha 50A	1 thiết bị	9%		12,0000	
11	Thay sửa đồng hồ hẹn giờ	1 thiết bị			12,0000	
12	Thay các thiết bị Aptomat 3 pha 50A	1 thiết bị			12,0000	
13	Kéo dây trên lưới đèn chiếu sáng, lưới bị đứt võng	m				180,0000
14	Lắp đặt bộ đai + khoá đai	bộ			48,0000	
15	Lắp đặt kẹp xiết cáp	bộ			36,0000	
16	Lắp đặt má ốp cột	bộ			36,0000	
17	Lắp đặt kẹp hỗ trợ	bộ			36,0000	
18	Lắp đặt kẹp ghíp	bộ			120,0000	
19	Lắp đặt kẹp treo cáp	bộ			36,0000	
20	Xử lý chạm chập sự cố nổi	vụ			12,0000	
21	Phát quang khu chiếu sáng điều kiện làm việc lưới đang vận hành	điểm			12,0000	
22	Sửa nguồn hệ thống đèn led (VD)	1 bộ			24,0000	
23	Thay sửa nguồn 5V-60A	1 bộ			6,0000	
24	Thay sửa nguồn 12V-33A	1 bộ			6,0000	
25	Thay sửa đèn đếm lùi D400 , H <12m	bộ	15%		6,0000	Dự kiến thay thế cho 1 nút đèn THGT với 40 thiết bị
26	Thay sửa đèn đếm lùi D300 , H <12m:	bộ			6,0000	

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**BẢNG THỐNG KÊ VỊ TRÍ ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG - PHÊ DUYỆT CHỦ**  
**TRƯỞNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THUÊ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG:**  
**CÔNG TÁC DUY TRÌ ĐIỆN CHIẾU SÁNG -**  
**PHƯỜNG GIA SÀNG TỪ 01/07/2026 ĐẾN 31/12/2026**

<b>STT</b>	<b>Tên nút</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đèn tín hiệu giao thông Đường CMT8 giao với đường Gang Thép;	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1</b>

**PHỤ LỤC SỐ 03**

**BẢNG TỔNG HỢP TUYỂN - PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THUÊ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG:  
CÔNG TÁC DUY TRÌ ĐIỆN CHIẾU SÁNG - PHƯỜNG GIA SÀNG TỪ 01/07/2026 ĐẾN 31/12/2026**

STT	Tên tủ Đk	Công tơ	Tủ điều khiển	Chiều dài (km)	Trạm chiều dài >3000m	Trạm chiều dài 1500m	Ngõ đấu điện vào tủ	Số lượng bóng		Số Lượng Bóng				Hệ thống trang trí		GHI CHÚ
								Bóng đơn	Bóng đôi	Số bóng led	Công suất(W)	Bóng cao áp	Công suất(W)	Biểu tượng trang trí	Led dán cột	
<b>A</b>	<b>Tên tủ điều khiển đèn chiếu sáng (Trạm đèn)</b>															
<b>I</b>	<b>Đường Bắc Nam</b>															
1	Tủ tổ 1 Gia sàng( Ngã 4 gia Sàng)	1	1	1,35				7		7	150					
								32		32	50					
2	Ngõ 27- đường Bắc Nam			0,105				3			250	3				
3	Ngõ cạnh số nhà 57- đường Bắc Nam			0,14				4		4	40					
4	Ngõ cạnh SN 69A1- đường Bắc Nam			0,35				10		10	40					
5	Ngõ 141- đường Bắc Nam			0,7				20		20	50					
6	Ngõ 157- đường Bắc Nam			0,14				4		4	50					
7	Ngõ 177- đường Bắc Nam			0,665				19		19	50					
	<b>Chuyển từ Số XD</b>															
8	Tủ đường Bắc Nam( từ ngã 3 bắc nam đến ngã 4 gia sàng)	1	1	1				34		34	120					
<b>II</b>	<b>Đường Gia Sàng</b>															
1	Tủ tổ 2 Gia Sàng( sau trường cấp 1 Gia Sàng)	1	1	1,2				8		8	150					
								32		32	50					
		1	1	1,3				3		3	120					
2	Tủ đường Gia Sàng							3			250	3				
							Ngõ 576	34		34	40					
		1	1	2,6				36		36	120					
							Ngõ 1	3		3	100					
								8		8	40					

3	Tủ TDC Gia Sàng			
<b>III Đường Cách Mạng Tháng 8</b>				
1	Tủ 1 tổ 2( Ngách 80) - gần trường 915 Gia Sàng	0	1	1,53
2	Tủ 2 Tổ 2 ( ngách 80)- gần trường 915 Gia Sàng	1	1	0,8
3	Tủ đường vào 915 Gia Sàng	1	1	0,73
4	Tủ tổ 7 Gia Sàng( ngõ 604 - đường CMT8)	1	1	0,56
5	Tủ tổ 8 Gia Sàng( Tiểu đoàn 3) - xóm Xuân Quang - ngõ 604 đi vào	1	1	2,8
6	Tủ tổ 8 Gia sàng( Sau đền Túc Duyên)	1	1	0,53
7	Tủ Tổ 7+ 8 Gia Sàng ( đường vào đền Túc Duyên)	1	1	1,4
8	Tủ tổ 7 ( Trường cấp 2 Gia sàng)	1	1	2,2
9	Tủ 1 tổ 4 Gia Sàng - Trại Bàu	1	1	3,3
10	Tủ 2 tổ 4 Gia Sàng- Trại Bàu	1	1	2,9
11	Ngõ 673 - đường CMT8			0,42
12	Ngõ 756- đường CMT8			0,735
				0,28
13	Ngõ 800 và ngõ 837 đường CMT8 và đường Thanh niên Xung Phong			2,03
				0,56
				1,505

Ngõ 2	6		6	50					
Ngõ 130	3		3	120					
	4		4	50					
	14		14	40					
	19		19	50					
	9		9	70					
	10		10	40					
	29		29	50					
	21			250	21				
	16		16	40					
	1		1	150					
	42		42	50					
	38		38	40					
	1		1	150					
	15		15	50					
	40		40	50					
	70		70	50					
	22		22	70					
	70		70	50					
	2		2	150					
	83		83	50					
	12		12	40					
	21		21	40					
	8		8	50					
	58		58	40					
	16		16	50					
	43		43	120					



1	Tủ tổ 3 Cam Giá( tiểu đoàn 4) - đường đê Ba đa	1	1	2,1
2	Tủ tổ 4 Cam Giá ( Công làng Đào)	1	1	1,3
3	Tủ 1 Xóm Đồng Tâm - gần đập Ba đa	1	1	0,52
4	Tủ 2 Xóm Đồng Tâm- gần đập Ba đa	1	1	0,73
5	Tủ 1 Đồng Liên( cũ)	1	1	1,37
6	Tủ 2 Đồng Liên ( Công an phường Gia Sàng)	1	1	0,56
7	Tủ xóm Toàn Thắng 1	1	1	4,45
8	Xóm Đồng Tân	1	1	1,8
<b>V Đường Gang Thép</b>				
1	Tủ Gang Thép 3( từ đèn THGT đến chợ khu nam qua trường mầm non Anh Việt)	1	1	1,7
<b>VI Phố Trịnh Bá</b>				
1	Tủ đường Trịnh Bá	1	1	2,1
<b>VII Đường Lưu Nhân Chú</b>				
1	Tủ 1 đường Lưu Nhân Chú - Phường Cam Giá Cũ	1	1	4,3

8

6

	59		59	40					
	41		41	50					
	15		15	50					
	21		21	50					
	0								
	39		39	80					
	16		16	120					
	47		47	50					
	53		53	40					
	27		27	20					
	52		52	40					
trục chính	32		32	150					
Ngõ 07	7		7	50					
Ngõ 19	2		2	50					
ngõ 25	8		8	50					
trục chính	26		26	50					
Ngõ 43	35		35	30					
trục chính	16		16	120					
Ngõ 157	7		7	20					
Ngõ 32	18		18	20					
Tổ 9 ngách 1,2,3,4,5,6,7,8,10	80		80	20					

2	Tủ 2 đường Lưu Nhân Chú - (Tủ Đồi Sỏi)	1	1	8,3
3	Tủ Tổ 5 Cam Giá cũ	1	1	2,5
4	Tủ tổ 6 Cam Giá cũ	1	1	8
5	Tủ tổ 7 Cam Giá cũ	1	1	5,6
6	Tủ tổ 8 Cam Giá cũ	1	1	2,8
7	Tủ đôi bia Cam Giá( Cây xăng chợ Dốc Hanh)	1	1	1,5
8	Ngõ 501 đường Lưu Nhân Chú			2,45
9	Ngõ 423 đường Lưu Nhân Chú			0,42
10	Ngõ 01- đường tròn Gang thép			0,35
11	Ngõ 648/1 tủ đường tròn GT			2,1
12	Ngõ 539 và 535 đường Lưu Nhân Chú			0,63
<b>VIII Đường Hương Sơn</b>				
1	Tủ đường Hương Sơn	1	1	2,1
2	Tủ bể bơi Hương Sơn	1	1	1,8
3	Tủ Khu Dân cư Hương Sơn	1	2	0,9
<b>IX Đường Tân Quang</b>				

Trục chính	43		43	120					
Ngõ 407	10		10	30					
Ngõ 290	12		12	30					
Ngõ 229,261	115		115	30					
Ngõ 191	59		59	20					
	70		70	40					
	230		230	30					
	160		160	40					
	80		80	40					
Ngõ 209/1	44		44	50					
	70		70	50					
	12		12	50					
	10		10	30					
	60		60	50					
	18		18	40					
	61		61	150					
Ngõ 457/1	6		6	70					
	19		19	20					
	4		4	100					
	5		5	50					
	18		18	30					
	27		27	150					

1	Tủ ngõ 154 đường Tân Quang	1	1	
2	Đường Tân Quang			0,805
3				0,21
<b>X</b>	<b>Đường Phó Hương</b>			
1	Ngõ 251 đường Phó Hương			0,525
2	Ngõ 263 đường Phó Hương			0,35
3	Ngõ 277 và 202 đường Phó Hương			1,085
4	Ngõ 280 đường Phó Hương			0,595
5	Ngõ 268 và 204 đường Phó Hương			2,1
6	Đường phó hương( từ chợ Dốc Hanh đến ngã tư Song điền)	0	1	1,54
				1,61
<b>XI</b>	<b>Đường Thống Nhất</b>			
1	Ngõ 247 - đường Thống Nhất			0,42
				0,035
2	Ngõ cạnh số nhà 273 - đường Thống Nhất			0,105
3	Ngõ 279 - đường Thống Nhất			0,175
4	Ngõ 301 - đường Thống Nhất			0,315
				0,175
5	Ngõ cạnh cây xăng đầu hàm chui - đường Thống Nhất			0,91
				0,175
<b>XII</b>	<b>Đường Vó Ngra</b>			
1	Ngõ đối diện cổng bệnh viện Gang Thép- đường QL37			0,105
<b>XIII</b>	<b>Đường Bắc Nam- Huống Thượng</b>			1,5
1	Tủ 1 gần cầu Huống phía Gia Sàng	1	1	
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>44</b>	<b>121,33</b>

	40		40	50						
	23		23	40						
	6			250	6					
	15		15	30						
	10		10	20						
	31		31	30						
	17		17	40						
	60		60	20						
	44		44	120						
	46		46	30						
	12		12	40						
	1			250	1					
	3		3	40						
	5		5	40						
	9			250	9					
	5		5	40						
	26		26	40						
	5		5	100						
	3		3	30						
	74		74	120					PDP	
	<b>0</b>	<b>3736</b>	<b>0</b>	<b>3677</b>	<b>9696</b>	<b>59</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>61</b>	<b>0</b>